Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9010.50.90

Mã HS	9010.50.90
Mô tả hàng hóa	Máy và thiết bị dùng trong phòng làm ảnh (kể cả điện ảnh), chưa được ghi hoặc chi tiết ở nơi nào khác thuộc Chương này; máy xem âm bản; màn ảnh của máy chiếu / - Máy và thiết bị khác sử dụng trong phòng làm ảnh (kể cả điện ảnh); máy xem âm bản: / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	02/11/2026 10:51:29
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90105090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18004
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18004
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18004
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17310
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17239
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17239
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17239
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17239
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17239
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17239
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17295
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17295

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17295
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17295
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17295
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17295
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17296
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17296
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17296
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17296
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17296
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17296
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17301
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17257
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17253
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17253
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17253
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17253
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17253
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17253
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17299
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17299
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17299
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17299
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17299
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17299
VCFTA	2022	2022	5	VC!D17361
VCFTA	2023	2023	5	VC!E17361

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17361
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17361
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17361
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17361
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17337
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17337
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17337
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17337
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17337
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17337
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17332
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17332
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17332
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17332
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17332
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17332
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17362
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17362
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17362
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17362
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17362
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17362
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17361
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17361
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17361
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17361

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17361
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17361
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17455
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17455
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17455
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17455
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17455
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17455
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17455
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17324
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17324
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17324
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17324
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17324
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17324
RCEP B	2022	2022	0	B!D17324
RCEP B	2023	2023	0	B!E17324
RCEP B	2024	2024	0	B!F17324
RCEP B	2025	2025	0	B!G17324
RCEP B	2026	2026	0	B!H17324
RCEP B	2027	2027	0	B!I17324
RCEP C	2022	2022	0	C!D17322
RCEP C	2023	2023	0	C!E17322
RCEP C	2024	2024	0	C!F17322
RCEP C	2025	2025	0	C!G17322
RCEP C	2026	2026	0	C!H17322

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I17322
RCEP D	2022	2022	0	D!D17321
RCEP D	2023	2023	0	D!E17321
RCEP D	2024	2024	0	D!F17321
RCEP D	2025	2025	0	D!G17321
RCEP D	2026	2026	0	D!H17321
RCEP D	2027	2027	0	D!I17321
RCEP E	2022	2022	0	E!D17325
RCEP E	2023	2023	0	E!E17325
RCEP E	2024	2024	0	E!F17325
RCEP E	2025	2025	0	E!G17325
RCEP E	2026	2026	0	E!H17325
RCEP E	2027	2027	0	E!I17325
RCEP F	2022	2022	0	F!D17324
RCEP F	2023	2023	0	F!E17324
RCEP F	2024	2024	0	F!F17324
RCEP F	2025	2025	0	F!G17324
RCEP F	2026	2026	0	F!H17324
RCEP F	2027	2027	0	F!I17324
VIFTA	2024	2024	4.3	VI!F16246
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G16246
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H16246
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I16246

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9010.50 có 3 dòng thuế; dòng 9010.50.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	9010.50.10 Máy để chiếu hoặc vẽ mạch lên các chất nền có độ nhạy sáng để sản xuất tấm mạch in/tấm dây in; 9010.50.20 Thiết bị biên tập và ghi tựa đề điện ảnh; thiết bị đọc X quang; máy chụp quang sử dụng cho quá trình tách màu ra phim; máy plate maker tự động	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9010.50.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 9010.50.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18004), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.